

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-PT

Ngày 09-6-2023

V/v tranh chấp về chia tài sản sau
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Long

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T; sinh năm 1981; cư trú tại: Đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Tấn N; sinh năm 1977; cư trú tại: Đường H, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người kháng cáo:*

1. Bà Võ Thị T, là nguyên đơn trong vụ án.
2. Ông Huỳnh Tấn N, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị T, trình bày: Bà và ông Huỳnh Tấn N kết hôn vào năm 2004, đến ngày 20-10-2019 thì ly hôn; khi ly hôn về tài sản chung của bà và ông N có nhà và đất tại địa chỉ Đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là nhà, đất tại Đường H) chưa chia; nay bà xác định nhà, đất này trị giá 2.200.000.000 đồng và yêu cầu chia cho bà 40% trị giá và chia cho ông N 60% trị giá; bà xin được nhận nhà để ở và sẽ thanh toán tiền cho ông N phần được chia.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn N, trình bày: Ông và bà Võ Thị T có tài sản chung là nhà, đất tại Đường H chưa chia. Tài sản nói trên có nguồn gốc trước đây thuộc sở hữu của ông Trần Văn Đ (*là ông ngoại của ông N*); năm 2006, ông Đ cho toàn bộ nhà, đất này cho bà Trần Thị X (*là mẹ đẻ của ông N*); đến năm 2008, bà X lại cho ông và bà T toàn bộ nhà, đất này. Nay, ông thống nhất trị giá nhà, đất là 2.200.000.000 đồng và đồng ý giao nhà, đất cho bà T; ông yêu cầu bà T bồi trả cho ông 70% trị giá tài sản bằng tiền.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 06-02-2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 33; Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật Dân sự; Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn của bà Võ Thị T đối với ông Huỳnh Tấn N. Tuyên xử:

- Giao cho bà Võ Thị T được trọn quyền sử dụng và sở hữu tài sản là nhà, đất tại Đường H, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 968064, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-9-2016. Tổng giá trị tài sản của bà T được nhận là 880.000.000 đồng.

- Bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ giao cho ông Huỳnh Tấn N phần giá trị tài sản trị giá là 1.320.000.000 đồng.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-02-2023, ông Huỳnh Tấn N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử giao nhà, đất tại Đường H cho ông sở hữu, sử dụng và ông thanh toán phần chia cho bà Võ Thị T theo trị giá bằng tiền.

Ngày 20-02-2023, bà Võ Thị T kháng cáo yêu cầu ông Huỳnh Tấn N chịu 50% số tiền định giá tài sản tương đương 6.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Võ Thị T và ông Huỳnh Tấn N, đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T đã rút toàn bộ kháng cáo về nội dung yêu cầu ông N chịu 50% số tiền định giá tài sản tương đương 6.500.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T theo quy định tại Điều 284, Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Tấn N về yêu cầu được giao hiện vật là nhà, đất tại Đường H, thì thấy: Hiện tại bà Võ Thị T cùng với 02 con nhỏ đang ở tại đây; bà T không có chỗ ở nào khác; còn ông N thì sau khi ly hôn đã về ở cùng nhà với mẹ đẻ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm thì ông N cũng có ý kiến giao nhà, đất cho bà T sở hữu, sử dụng và ông nhận phần được chia bằng tiền. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm giao nhà, đất tại Đường H cho bà T là phù hợp với nhu cầu thực tế của bà T cũng như ông N, đảm bảo cuộc sống ổn định cho các bên đương sự liên quan và đúng với quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; đồng thời buộc bà T thanh toán lại cho ông N trị giá tài sản được chia cũng

đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N. Ngoài ra, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm thì ông N cũng khai nhận nếu giao nhà, đất cho ông thì ông cũng không có tiền để bồi trả cho bà T; còn bà T thì khẳng định nếu giao nhà, đất cho bà thì gia đình bên phía bà sẽ đưa tiền để bà bồi lại cho ông N, nên kháng cáo của ông N về nội dung này là không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung là trị giá quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại Đường H, cụ thể như sau: Tại phiên họp hòa giải ngày 16-12-2022, người đại diện của nguyên đơn bà T và bị đơn ông N đã thỏa thuận trị giá nhà, đất tại Đường H là 2.200.000.000 đồng, nên trị giá tài sản chung chia cho bà T với mức 40% là 880.000.000 đồng và trị giá tài sản chung chia cho ông N với mức 60% là 1.320.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn N và bà Võ Thị T rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, nên ông N và bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 284, Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với kháng cáo của bà Võ Thị T; không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn N và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn N;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 148, Điều 284, Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về chia tài sản chung:

Chia cho ông Huỳnh Tấn N 60% trị giá nhà, đất tại Đường H, tương ứng 1.320.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng).

Chia cho bà Võ Thị T 40% trị giá nhà, đất tại Đường H, tương ứng 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng).

Bà Võ Thị T phải thanh toán cho ông Huỳnh Tấn N số tiền 1.320.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng).

Giao cho bà Võ Thị T quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất tại Đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 968064 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-9-2016.

Bà Võ Thị T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất tại địa chỉ Đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với kháng cáo của bà Võ Thị T về nội dung yêu cầu ông Huỳnh Tấn N chịu 50% số tiền định giá tài sản tương đương 6.500.000 đồng.

3. Về án phí:

Bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 38.400.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 24.750.000 đồng theo biên lai thu số 0002824 ngày 22-6-2022 của Chi cục Thi hành

án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng; bà T còn phải nộp 13.650.000 đồng (mười ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008785 ngày 21-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

Ông Huỳnh Tấn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 51.600.000 đồng (năm mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Ông Huỳnh Tấn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008768 ngày 14-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

4. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND quận T;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam